TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 26/11/2019.
"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Lê Thị Hòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- *Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh ĐN. Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 126/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2019, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Văn K, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn 03, xã T, huyện C, tỉnh ĐN. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn 03, xã T, huyện C, tỉnh ĐN. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/6/2019, bản tự khai, biên lấy lời khai ngày 12/7/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đỗ Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị M tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 20/01/2006 tại UBND xã Tr, huyện C, tỉnh ĐN. Sau khi kết hôn anh K và chị M chung sống bình thường, không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn, đến tháng 03/2016 chị M xin phép anh K về quê ở xã N, huyện NĐ, tỉnh NA một vài ngày nhưng sau đó không quay về, chị M bỏ đi từ đó cho đến nay, anh K và gia đình cũng đã nhiều lần đi tìm và đăng thông báo tìm kiếm nhưng không biết chị M đang ở đâu. Tháng 12/2018 anh K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C tuyên bố chị Minh mất tích, chị M được Tòa án nhân dân huyện C tuyên bố một người mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số: 03/2019/QĐST-VDS ngày 20/5/2019. Tình cảm giữa anh K

và chị M không còn nên anh Kiên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh K được ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị M có 02 con chung là Đỗ Văn Q, sinh ngày 08/10/2006 và Đỗ Thị Minh T, sinh ngày 16/10/2013. Hiện các cháu đang được anh K nuôi dưỡng.

Anh K có nguyện vọng tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đỗ Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, hòa giải, xét xử, nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc bị đơn là chị Nguyễn Thị M nhiều lần vắng mặt tại tòa án không có lý do và được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh ĐN tuyên bố một người đã mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐST-VDS ngày 20/5/2019, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh ĐN đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị M theo quy định của pháp luật.

Về Tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện C xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Đỗ Văn K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh ĐN giải quyết việc ly hôn với chị Nguyễn Thị M, chị M là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại thôn 03, xã T, huyện C, tỉnh ĐNô nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn là chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 177, Điều 208, Điều 209 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị M tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 20/01/2006 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh ĐN. Sau

khi kết hôn anh K và chị M chung sống bình thường, không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn, đến tháng 03/2016 chị M xin phép anh K về quê ở xã N, huyện NĐ, tỉnh NA một vài ngày nhưng sau đó không quay về, chị M bỏ đi từ đó cho đến nay, anh K và gia đình cũng đã nhiều lần đi tìm và đăng thông báo tìm kiếm nhưng không biết chị M đang ở đâu. Chị M được Tòa án nhân dân huyện C tuyên bố một người mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số: 03/2019/QĐST-VDS ngày 20/5/2019. Do đó yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Văn K là có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Xét thấy 02 con chung là Đỗ Văn Q, sinh ngày 08/10/2006 và Đỗ Thị Minh T, sinh ngày 16/10/2013, anh Ki nuôi dưỡng con chung từ tháng 03/2016 cho đến nay. Xét anh K đủ điều kiện nuôi con, đảm bảo sự phát triển bình thường của con, HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao con chung cho anh K trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Anh K không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đỗ Văn K không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Anh Đỗ Văn K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp Hôn nhân gia đình không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn K.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đỗ Văn K được ly hôn với chị Nguyễn Thị M. Quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị M chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Giao con chung Đỗ Văn Q, sinh ngày 08/10/2006 và Đỗ Thị Minh T, sinh ngày 16/10/2013 cho anh Đỗ Văn K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh K không yêu cầu chị Minh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh Đỗ Văn K không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét

4. *Về án phí:* Anh Đỗ Văn K phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000643 ngày 17/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh ĐN.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh ĐN;*
- *VKSND huyện C;*
- *CCTHADS huyện C;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T;*
- *Lưu hồ sơ.*

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**